

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15/11/2022

*“V/v Tranh chấp về chia tài
sản chung sau ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Hiền
2. Ông Đỗ Cao Thế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Ngọc Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Triều, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 15 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2022/TLST- HNGĐ, ngày 01/7/2022, về việc “Tranh chấp về chia tài sản chung sau ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/10/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26/10/2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện Q, tỉnh Q, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trương Mậu T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện Q, tỉnh Q, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 16/6/2022, bản tự khai ngày 11/7/2022 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Chị và anh Trương Mậu T kết hôn với nhau vào năm 2009, đến ngày 05/5/2022, được Tòa án nhân dân huyện Q giải quyết ly hôn và nuôi con theo Quyết định số: 30/2022/QĐST-HNGĐ. Về tài sản chung, anh chị tự thỏa thuận phân chia, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nhưng anh chị không tự phân chia được tài sản chung nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung gồm:

Thửa đất số 549, tờ bản đồ số 26, diện tích 200m² (Trong đó đất ở 100 m²; đất trồng cây hàng năm khác 100m²) tại thôn L, xã X, huyện Q, tỉnh Q;

được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q, cấp ngày 17/11/2021 cho Trương Mậu T và Nguyễn Thị Thu H; nhà ở, nhà cấp 4, 01 tầng (chưa hoàn thiện) diện tích 93m² yêu cầu Tòa án chia đôi tài sản chung.

Bị đơn anh Trương Mậu T vắng mặt tại phiên tòa cũng như phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Song qua bản tự khai ngày 26/10/2022 và đơn xin xét xử vắng mặt, anh T trình bày: Giữa anh và chị H có khối tài sản, gồm 01 thửa đất số 549, tờ bản đồ số 26, diện tích 200m² (Trong đó đất ở 100m²; đất trồng cây hàng năm khác 100m²) tại thôn L, xã X, huyện Q, tỉnh Q; được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình, cấp ngày 17/11/2021 cho Trương Mậu T và Nguyễn Thị Thu H; nhà ở, nhà cấp 4, 01 tầng (chưa hoàn thiện) diện tích 93m² về giá trị nhà và đất anh đồng ý với giá Hội đồng định giá, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/9/2022 Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo đơn yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu H có kết quả như sau:

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ: Thửa đất số 549, tờ bản đồ số 26, diện tích 200m² (Trong đó đất ở 100m²; đất trồng cây hàng năm khác 100m²) tại thôn L, xã X, huyện Q, tỉnh Q; được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q, cấp ngày 17/11/2021 cho Trương Mậu T và Nguyễn Thị Thu H.

Phía Bắc: Giáp đường giao thông nông thôn có kích thước 07m

Phía Nam: Giáp đường giao thông nông thôn có kích thước 07m

Phía Đông: Giáp thửa đất số 28, có kích thước 28,41m.

Phía Tây: Giáp thửa đất số 548 có kích thước 28,63m.

- Nhà ở: Nhà cấp 4, 01 tầng (chưa hoàn thiện) diện tích 93m².

Kết quả định giá tài sản:

- Nhà ở: Nhà cấp 4, 01 tầng (chưa hoàn thiện) diện tích 93m² X 5.264.000đồng X 25% thành tiền 367.164.000đồng

- Về đất ở 100m² thuộc vị trí 1, khu vực 1 nông thôn, với giá 106.000đồng/m²; 100m² X 106.000đồng = 10.600.000 đồng

- Về đất trồng cây hàng năm khác 100m² với giá 33.000đồng/m² ; 100m² X 33.000đồng = 3.300.000đồng.

Tổng giá trị nhà và đất: 381.064.000đồng (Ba trăm tám mươi một triệu, không trăm sáu mươi tư nghìn đồng).

Nếu phân chia tài sản chung, chị H có nguyện vọng được nhận nhà cấp 4, 01 tầng (chưa hoàn thiện) diện tích 93m² trị giá nhà 367.164.000 đồng và được quyền sử dụng đất, thửa đất số 549, tờ bản đồ số 26, diện tích 200m² (Trong đó đất ở 10m²; đất trồng cây hàng năm khác 100m²) tại thôn L, xã X, huyện Q, tỉnh Q, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 17/11/2021 cho Trương Mậu T và Nguyễn Thị Thu H. Chị có trách nhiệm giao lại tiền chênh lệch tài sản cho anh Trương Mậu Thìn 190.532.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu, năm trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu H khai nhận, vợ chồng không nợ ai, không ai vay nợ vợ chồng, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh kiểm sát việc tuân theo pháp luật và có quan điểm:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về chia tài sản chung sau ly hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; bị đơn anh Trương Mậu T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Thìn vắng mặt và đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt một bên đương sự theo khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc thu thập chứng cứ, Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh tổ chức xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản trong vụ án theo yêu cầu của nguyên đơn; kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, việc cấp tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào điều 59 và 62 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14; xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; giao cho chị H được quyền sở hữu và sử dụng thửa đất số 549, tờ bản đồ số 26, diện tích 200m² (Trong đó đất ở 100 m²; đất trồng cây hàng năm khác 100m²) tại thôn Lộc Long, xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình; được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình, cấp ngày 17/11/2021 cho Trương Mậu T và Nguyễn Thị Thu H; 01 nhà cấp 4, 01 tầng (chưa hoàn thiện) diện tích 93m²; chị H có trách nhiệm giao lại tiền chênh lệch tài sản cho anh Trương Mậu T là 190.532.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trương Mậu T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt một bên đương sự theo khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp xem xét, thẩm định và định giá tài sản, tại phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay có sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Thu H yêu cầu giải quyết chia tài sản chung sau ly hôn với anh Trương Mậu T có địa chỉ tại thôn X, xã X, huyện Q, tỉnh Q. Vì vậy xác định quan hệ tranh chấp giữa

các bên là “Tranh chấp về chia tài sản chung sau ly hôn” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh.

[3] Về nội dung:

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trương Mậu T thống nhất và thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân có tạo lập số tài sản chung gồm: Về nhà ở, 01 tầng (chưa hoàn thiện) diện tích 93m² trị giá 367.164.000đồng (*Ba trăm sáu mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi tư nghìn đồng*);

Về đất ở: Thửa đất số 549, tờ bản đồ số 26, diện tích 200m² (Trong đó đất ở 100m²; đất trồng cây hàng năm khác 100m²) tại thôn L, xã X, huyện Q, tỉnh Q; được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q, cấp ngày 17/11/2021 cho Trương Mậu T và Nguyễn Thị Thu H;

Tổng giá trị đất: 13.900.000đồng (*Mười ba triệu, chín trăm nghìn đồng*).

Như vậy, toàn bộ tài sản chung là: 381.064.000 đồng (*Ba trăm tám mươi một triệu, không trăm sáu mươi tư nghìn đồng*).

Chị H, có nguyện vọng xin được sở hữu nhà cấp 4 diện tích 93m² trị giá nhà 367.164.000 đồng và được quyền sử dụng đất, thửa đất số 549, tờ bản đồ số 26, diện tích 200m² (Trong đó đất ở 100m²; đất trồng cây hàng năm khác 100m²) trị giá 10.600.000đồng và có trách nhiệm giao lại 190.532.000đồng tiền chênh lệch tài sản cho anh T. Theo chị H từ khi vợ chồng ly hôn cho đến nay chị là người quản lý và sử dụng tài sản, là phụ nữ để ổn định cuộc sống sau ly hôn; xét nguyện vọng của chị H là chính đáng nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị, buộc chị H phải có trách nhiệm giao lại tiền chênh lệch tài sản cho anh T là phù hợp.

Vì vậy, cần chia đôi số giá trị tài sản chung cho chị H, anh T mỗi người được hưởng một nửa, nếu bên nhận nhà và đất ở thì buộc phải giao lại chênh lệch tài sản cho bên kia là phù hợp với các điều 59 và 62 của luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chị H đã nộp 3.200.000 đồng. Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ đã chi phí hết 1.600.000 đồng, Hội đồng định giá tài sản đã chi hết 1.600.000 đồng. Chị H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là phù hợp với Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Chị H, anh T phải chịu án phí tài sản trên phần giá trị mình được hưởng theo luật định.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 59 và 62 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai; khoản 4 Điều 147; 157 và điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, xử:

Xử Giao cho chị Nguyễn Thị Thu H được quyền sở hữu và sử dụng: 01 nhà cấp 4, 01 tầng (chưa hoàn thiện) diện tích 93m² trị giá 367.164.000đồng gắn liền thửa đất số 549, tờ bản đồ số 26, diện tích 200m² (Trong đó đất ở 100m²;

đất trồng cây hàng năm khác 100m²) tại thôn L, xã X, huyện Q, tỉnh Q; được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 17/11/2021 cho Trương Mậu T và Nguyễn Thị Thu H trị giá 13.900.000 đồng;

Tổng giá trị tài sản chi H được nhận: 381.064.000 đồng.

Buộc chi Nguyễn Thị Thu H phải giao lại tiền chênh lệnh tài sản cho anh Trương Mậu T là 190.532.000 đồng (*Một trăm chín mươi triệu, năm trăm ba mươi hai nghìn đồng*).

2. Về chi phí xem xét thẩm định và chi phí định giá tài sản: Chi Nguyễn Thị Thu H phải chịu 3.200.000 đồng, chi H đã nộp đủ.

3. Về án phí: Chi Nguyễn Thị Thu H phải chịu 9.526.600 đồng án phí tài sản, nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí 6.250.000 đồng chi đã nộp theo biên lai số: 31AA/2021/0003866 ngày 30/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh. Chi H phải nộp tiếp số tiền 3.276.600 đồng.

Anh Trương Mậu T phải chịu án phí tài sản: 9.526.600 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm chi H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 15/11/2022; anh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- UBND xã Xuân Ninh;
- Lưu: HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Châu

